

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	18,700 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-1.5%	-8.4%

DT thuần	2024	638	YoY ▲ 29.0 ▲ 4.8%
		tỷ VNĐ	

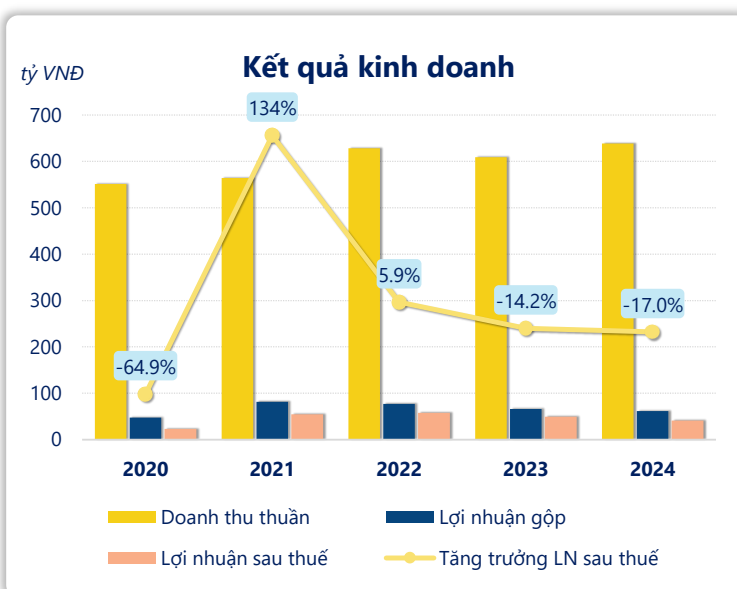
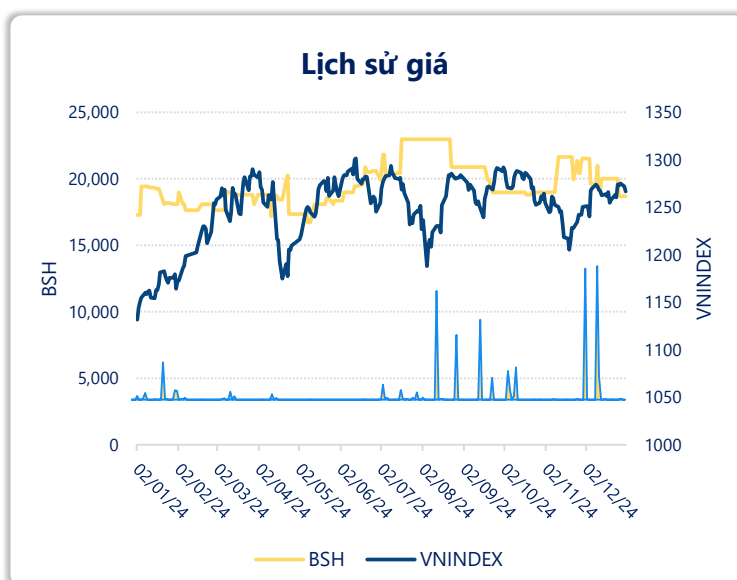
LN gộp	2024	61.5	YoY ▼ 4.60 ▼ 7.0%
		tỷ VNĐ	

LN thuần	2024	51.8	YoY ▼ 11.3 ▼ 17.9%
		tỷ VNĐ	

LN sau thuế	2024	41.0	YoY ▼ 8.40 ▼ 17.0%
		tỷ VNĐ	

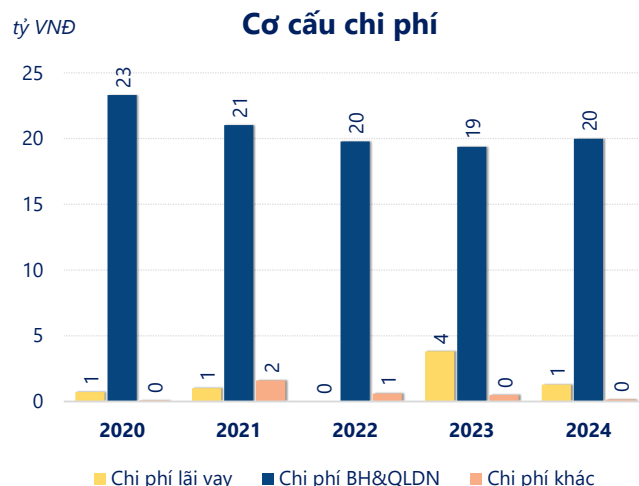
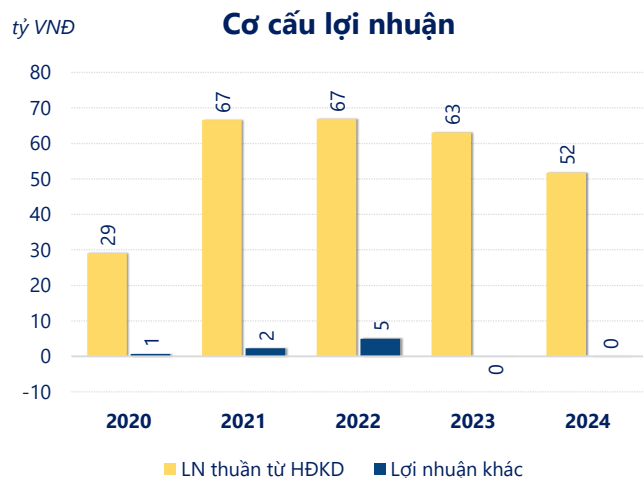
ROE	2024	13.4%	+/- YoY ▼ 3.1%
-----	------	-------	-------------------

ROA	2024	9.5%	+/- YoY ▼ 0.8%
-----	------	------	-------------------



Năm **2024**, **BSH** ghi nhận doanh thu thuần **638.4** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **40.99** tỷ đồng, lần lượt **tăng 4.82%** và **giảm 17.0%** so với năm trước.

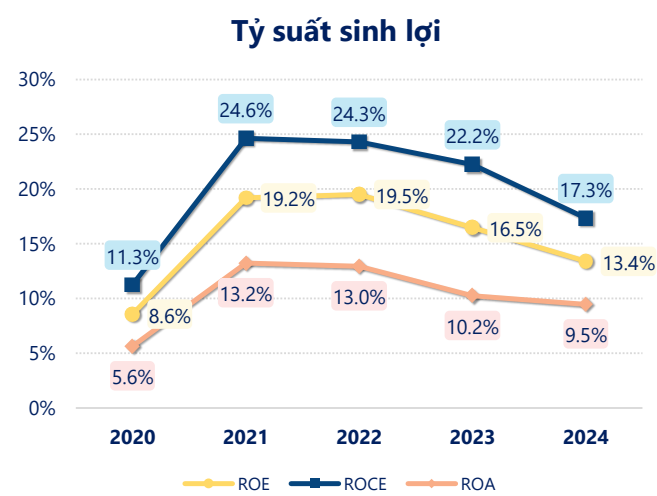
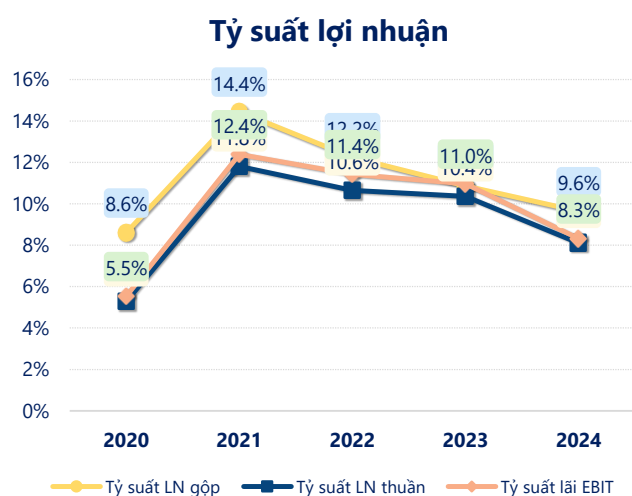
Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE là 13.4%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.



Năm **2024**, **BSH** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **51.77** tỷ đồng, **giảm đi 11.31** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (55.49 tỷ đồng) là 3.73 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **1.29** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **19.99** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 0.15** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của BSH năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **13.4%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



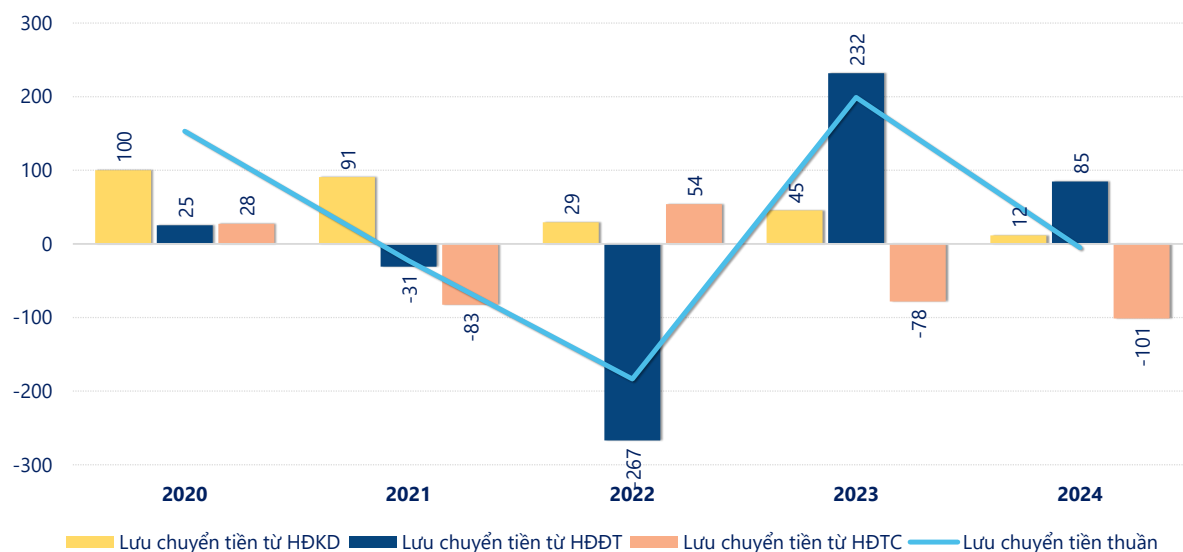
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	551	564	629	609	638
Giá vốn hàng bán	504	483	552	543	577
Lợi nhuận gộp	47.4	81.5	77.0	66.1	61.5
Doanh thu HĐTC	5.79	7.12	11.4	20.2	11.5
Chi phí TC	0.78	1.02	1.64	3.86	1.29
Chi phí lãi vay	0.73	1.01	0	3.82	1.29
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.52	3.27	3.49	2.46	2.97
Chi phí QLDN	17.8	17.8	16.3	16.9	17.0
LN thuần từ HĐKD	29.1	66.6	66.9	63.1	51.8
Lợi nhuận khác	0.66	2.28	4.93	-0.11	0.05
LN trước thuế	29.8	68.9	71.8	63.0	51.8
Lợi nhuận sau thuế	23.2	54.4	57.6	49.4	41.0
LNST của CĐ cty mẹ	23.2	54.4	57.6	49.4	41.0

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của BSH bằng **-4.84** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (199.0 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **11.67** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **84.88** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-101.4** tỷ đồng.